**Phụ lục**

**Danh mục thay đổi thông tin thuốc tại Quyết định số 204/QĐ-SYT, Quyết định số 359/QĐ-SYT phục vụ công tác chuẩn hóa danh mục cho Công ty TNHH Dược & Vật tư y tế Thiên Tâm**

*(Kèm theo Công văn số 1956/SYT-NVYD ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Sở Y tế Đắk Nông)*

| Stt | Mã thuốc | Tên thuốc | Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc | Nồng độ, hàm lượng | Đường dùng | Dạng bào chế | SĐK tại Quyết định 359/QĐ-SYT, 204/QĐ-SYT | SĐK thay đổi phục vụ chuẩn hóa danh mục |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** |
| **I. Thuốc cung cấp theo Số đăng ký cũ tại Quyết định số 359/QĐ-SYT** *(tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày có Quyết định cấp số đăng ký gia hạn mới)* | | | | | | | | |
| 1 | GNR0475 | Deslomeyer | Desloratadin | 2,5mg/ 5ml; 45ml | Uống | Dung dịch uống | 893100498124 (VD-32323-19) | **VD-32323-19** |
| 2 | GNR0815 | SaViKeto ODT | Ketorolac | 10mg | Uống | Viên nén phân tán trong miệng | 893110338624 (VD-30500-18) | **VD-30500-18** |
| 3 | GNR1032 | Natri Clorid 0,9% | Natri clorid | 0,9%/8ml | Nhỏ mắt, mũi | Dung dịch thuốc nhỏ mắt, mũi | VD-29295-18 (893100901924) | **VD-29295-18** |
| 4 | GNR1171 | Meyerexcold | Paracetamol + phenylephrin + dextromethorphan | 650mg, 10mg, 20mg | Uống | Viên nén bao phim | 893110567524 (VD-33828-19) | **VD-33828-19** |
| **II. Thuốc cung cấp theo Số đăng ký mới tại Quyết định số 359/QĐ-SYT** | | | | | | | | |
| 5 | GNR0466 | Cồn BSI | Cồn BSI | 1g , 1g, 0,3g/ 20ml | Dùng ngoài | Dung dịch dùng ngoài | VD-32100-19 | **893100075300** |
| **III. Thuốc cung cấp theo Số đăng ký mới tại Quyết định số 204/QĐ-SYT** | | | | | | | | |
| 6 | ĐY0116 | Trà gừng | Gừng. | Gừng/ 3g. | Uống | Thuốc cốm | VD-32682-19 | **893200130400** |
| **Tổng cộng: 06 khoản** | | | | | | | | |